

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26- 8 - 2022.

V/v: Ly hôn, tranh chấp
con chung và tài sản chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tòng Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Nguyễn Ngọc Tuấn

2. ông Hoàng Quang Trung

- Thư ký phiên toà: ông Lý A Hờ, Thư ký Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: ông Đoàn Xuân Trường, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2022/ TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp con chung, tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST- HNGĐ ngày 05/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Giàng Thị Nh, sinh năm 1989; Trú tại: bản L, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt

2. *Bị đơn:* anh Cứ A Ch, sinh năm 1983; Trú tại: bản L, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

****Theo đơn khởi kiện và các biên bản ghi lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Giàng Thị Nh trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Cứ A Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lao Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái vào ngày 21/11/2014. Trong thời gian chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, sống không có tình

cảm, anh Ch chị Nh đã sống ly thân từ tháng 3/2022 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do vậy chị Nh cảm thấy không còn tình cảm với anh Ch, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết để được ly hôn với anh Ch.

Về con chung: Trong thời gian chung sống có 03 con chung là cháu Cú A S, sinh ngày 15/07/2010 (Con nuôi), Cú Thị Ch sinh ngày 06/9/2011 và cháu Cú Thị N sinh ngày 27/10/2014. Ly hôn chị Nh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ch và cháu N, anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng cháu S, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung:

Theo đơn khởi kiện thì tài sản chung chị Nh và anh Ch gồm: có 01 ngôi nhà gỗ 03 gian; 01 khu ruộng; 02 mảnh nương trồng thảo quả; 01 mảnh nương táo; 03 bộ áo quan.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết chị Nh đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản là 01 ngôi nhà gỗ 03 gian; 01 khu ruộng; 02 mảnh nương trồng thảo quả; 01 mảnh nương táo, chỉ đề nghị giải quyết phần tài sản chung là 03 bộ áo quan. Cụ thể là được sở hữu 01 trong 03 bộ áo quan nêu trên.

*** Bị đơn:** Anh Cú A Ch vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai của đương sự (Cú A Ch) ngày 09/6/2022, cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án anh Ch đã thừa nhận có mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung như chị Nh trình bày. Anh Ch cho rằng bản thân vẫn còn tình cảm với chị Nh nên anh Ch không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng quay về đoàn tụ. Nếu chị Nh vẫn nhất quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết để anh Ch được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 đứa con, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng và được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung.

*** Ý kiến của cháu S, Ch và N:** Tại các biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2022 và ngày 06/7/2022 thể hiện nếu bố mẹ ly hôn thì cả 03 cháu đều có nguyện vọng được sống với mẹ.

*** Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/7/2022 thể hiện:**

Chị Giàng Thị Nh và anh Cú A Ch kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Lao Chải, huyện Mường Chải, tỉnh Yên Bái. Trong thời gian chung sống tại địa phương chị Nh và anh Ch không có mâu thuẫn gì lớn, duy nhất trong tháng 4/2022 thì có xảy ra mâu thuẫn xô sát đánh, chửi nhau và được chính quyền địa phương giải quyết, hòa giải; hiện nay chị Nh và anh Ch đang sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa.

Đối với tài sản chung 03 bộ áo quan hiện chưa lắp ghép, gồm có 12 tấm, chiều dài mỗi tấm là 2m, chiều rộng 50cm, độ dày 5cm; có 06 tấm trái dài rộng 60 cm, dày 05 cm; giá trị 17.000.000 đồng/ 01 bộ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; bị đơn cố tình trốn tránh, không chấp hành, đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn Cú A Ch theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nh, xử cho chị Nh được ly hôn anh Ch; Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định để chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và cháu Ch, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: chị Nh được sở hữu, sử dụng 01 bộ áo quan; anh Ch được sở hữu, sử dụng 02 bộ áo quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Giàng Thị Nh khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Cú A Ch thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2; tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh Cú A Ch theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị Nh và anh Cú A Ch kết hôn trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống mặc dù không có mâu thuẫn gì lớn, tuy nhiên chị Nh và anh Ch đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm lo đến cuộc sống của nhau; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh Ch để hòa giải, giải quyết nhưng anh Ch vẫn cố tình vắng mặt điều này chứng tỏ anh Ch không muốn hàn gắn tình cảm với chị Nh. Từ đó xác định tình cảm giữa chị Nh và anh Ch không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nh xử cho chị Nh được ly hôn với anh Ch.

[3] Về con chung: chị Nh và anh Ch đều khai thống nhất trong thời gian chung sống đã có 02 con chung và 01 con nuôi là Cú A S sinh ngày 15/07/2010

(Con nuôi), Cứ Thị Ch sinh ngày 06/9/2011 và Cứ Thị Nsinh ngày 27/10/2014. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nh và anh Ch đều có nguyện vọng được nuôi con, nhưng không thống nhất được việc nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy tại biên bản lấy lời khai cháu S, Ch, N đều thể hiện muốn sống cùng mẹ; chị Nh, anh Ch đều không có việc làm ổn định, thu nhập chủ yếu từ việc làm ruộng, nương, làm thuê; tuy nhiên hiện nay anh Ch đang sống cùng mẹ, có nhà, ruộng, nương để canh tác, tạo thu nhập. Vì vậy để bảo đảm quyền lợi mọi mặt, cũng như nguyện vọng của các con Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận một phần đề nghị của chị Nh, xử để chị Nh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và cháu Ch, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung:

Đối với tài sản là 01 ngôi nhà gỗ 03 gian; 01 khu ruộng; 02 mảnh nương trồng thảo quả; 01 mảnh nương tảo chị Nh đã rút yêu cầu trước khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện cần được chấp nhận.

Đối với tài sản chung là 03 bộ áo quan hiện chưa lắp ghép, gồm có 12 tấm gỗ Pơ Mu, chiều dài mỗi tấm là 2m, chiều rộng 50cm, độ dày 5cm và 06 tấm trái dài, rộng 60 cm. dày 05 cm; giá trị 17.000.000 đồng/ 01 bộ. Đây là tài sản chung của vợ chồng. Chị Nh yêu cầu được sở hữu, sử dụng 01 trong 03 bộ áo quan là phù hợp cần được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về ý kiến giải quyết của Kiểm sát viên: nhận định quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, đảm bảo đúng quyền và lợi ích của các bên đương sự nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: nguyên đơn chị Giáng Thị Nh và bị đơn anh Cứ A Ch đều là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do đó cần xem xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nh và anh Ch theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51,56, 59, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28,35,39, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị Nh, xử cho chị Giàng Thị Nh được ly hôn anh Cừ A Ch.

2. *Về con chung:*

Giao cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cừ Thị N sinh ngày 27/10/2014; anh Cừ A Ch trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cừ A S sinh ngày 15/07/2010 (Con nuôi), Cừ Thị Ch sinh ngày 06/9/2011. Không ai phải cấp dưỡng về việc nuôi con.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung:*

- Chị Giàng Thị Nh được sở hữu, sử dụng: 01 bộ áo quan hiện chưa lắp ghép, gồm có 4 tấm, gỗ Pơ Mu, chiều dài mỗi tấm là 2m, chiều rộng 50cm, độ dày 5cm; 02 tấm trái; dài, rộng 60 cm. dày 05 cm; giá trị 17.000.000 đồng.

- Anh Cừ A Ch được sở hữu, sử dụng: 02 bộ áo quan hiện chưa lắp ghép, gồm có 08 tấm,, gỗ Pơ Mu, chiều dài mỗi tấm là 2m, chiều rộng 50cm, dày 05 cm; 04 tấm trái; dài, rộng 60 cm. dày 05 cm; giá trị 34.000.000 đồng.

5. *Về án phí:* Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Giàng Thị Nh và anh Giàng A Ch.

6. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, Bị đơn “vắng mặt” có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tòng Văn Quân